

KINH TẾ HỌC PHẬT GIÁO TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: KINH NGHIỆM TỪ VIỆT NAM

TS ĐẶNG TRUNG KIÊN

Khoa Kinh doanh & Logistics, Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh, ĐH Thái Nguyên
Faculty of Business & Logistics, University of Economics and Business Administration,
Thai Nguyen University
Email: dtkien@tueba.edu.vn

TS TRẦN THỊ THUY LINH

Khoa Ngân hàng tài chính, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên
Faculty of Banking and Finance, University of Economics and Business Administration,
Thai Nguyen University
Email: linhhtt@tueba.edu.vn

Tóm tắt

Phật giáo với hơn 500 triệu tín đồ toàn cầu mang lại nền tảng đạo đức và triết học có thể mở rộng sang lĩnh vực kinh tế. Kinh tế học Phật giáo không phải là một trường phái chính thống mà là tập hợp quan điểm định hướng chính sách và thực tiễn kinh tế theo các giá trị từ bi, tiết độ và sinh kế chân chính. Trọng tâm của nó là phúc lợi con người, bền vững và đạo đức thay vì chủ nghĩa đa hóa lợi ích vật chất. Khác với mục tiêu tăng trưởng vô hạn của kinh tế học truyền thống, cách tiếp cận này nhấn mạnh “con đường trung đạo” để tránh cả chủ nghĩa vật chất cực đoan lẫn trì trệ phát triển. Các nguyên tắc Phật giáo có thể định hướng chính sách công về phát triển bền vững, phúc lợi xã hội, đạo đức kinh doanh và quản trị. Ở Việt Nam, dù Nhà nước là nhà nước thế tục, truyền thống Phật giáo vẫn góp phần định hình thái độ xã hội và diễn ngôn chính sách liên quan đến phát triển và phúc lợi.

Từ khóa: con đường trung đạo, đạo đức kinh doanh, kinh tế học Phật giáo, phát triển bền vững, phúc lợi xã hội

Abstract

Buddhism, with over 500 million followers worldwide, provides an ethical and philosophical foundation that can extend into the economic sphere. Buddhist economics is not a formal school of thought but rather a set of perspectives guiding policies and practices in line with values of compassion, moderation, and right livelihood. Its focus lies on human well-being, sustainability, and ethics rather than the sole pursuit of material gain. Unlike the pursuit of unlimited growth and profit maximization in mainstream economics, this approach emphasizes the “middle way,” seeking to avoid both excessive materialism and developmental stagnation. Core Buddhist principles can guide public policy in areas such as sustainable development, social welfare, business ethics, and governance. In Vietnam, although the state is formally secular, Buddhist traditions continue to shape social attitudes and policy discourse related to development and welfare.

Keywords: middle way, business ethics, buddhist economics, sustainable development, social welfare
Ngày nhận bài: 28/10/2025 **Ngày duyệt đăng:** 13/11/2025

Bài viết hướng tới mục tiêu làm rõ những nguyên tắc cốt lõi của kinh tế học Phật giáo và chỉ ra cách các nguyên tắc này có thể định hướng chính sách phát triển bền vững, phúc lợi xã hội, đạo đức kinh doanh và quản trị. Trong khuôn khổ nghiên cứu, chúng tôi chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu và phân tích chính sách định tính. Trong đó, chúng tôi tập trung vào một số kinh nghiệm tiêu biểu của các quốc gia Á châu chịu ảnh hưởng sâu của Phật giáo, đặc biệt là Bhutan, Thái Lan và Việt Nam, trong giai đoạn đương đại, trên cơ sở phân tích, tổng hợp các tài liệu thứ cấp, văn kiện chính sách và công trình nghiên cứu liên quan. Bài viết tìm kiếm câu trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu sau: (i) Các nguyên

tắc then chốt của kinh tế học Phật giáo là gì và khác biệt như thế nào so với kinh tế học chính thống? (ii) Những nguyên tắc này đã được thể chế hóa ra sao trong các khung chính sách cụ thể như Chi số hạnh phúc quốc gia (Bhutan), Triết lý kinh tế đủ dùng (Thái Lan) và thực tiễn chính sách ở Việt Nam? (iii) Từ các kinh nghiệm đó, có thể rút ra những hàm ý chính sách nào nhằm tăng cường tính bền vững, công bằng và đạo đức trong phát triển tại Việt Nam? Bài viết không sử dụng điều tra định lượng hay phỏng vấn sâu; các kết luận mang tính tổng thuật, định hướng và gợi mở cho các nghiên cứu thực nghiệm tiếp theo.

1. Nguyên tắc của kinh tế học Phật giáo

Về cốt lõi, kinh tế học Phật giáo nhìn nhận nền kinh tế thông qua lăng kính tinh thần và đạo đức. Đây là “một cách tiếp cận mang tính tinh thần và triết học” xem xét tâm lý của ham muốn và khổ đau trong đời sống kinh tế.¹ Một đặc điểm nền tảng là tính tương duyên: Phật giáo dạy rằng mọi chúng sinh đều có sự kết nối với nhau và với thiên nhiên, do đó hoạt động kinh tế phải tôn trọng những mối quan hệ này. Điều này trái ngược với giả định về các cá nhân biệt lập, chỉ hành động vì lợi ích riêng trong kinh tế học truyền thống. Thay vào đó, kinh tế học Phật giáo đặt ra câu hỏi: Làm thế nào để các thực tiễn kinh tế có thể giảm *dukkha* (khổ đau) và thúc đẩy *sukha* (hạnh phúc đích thực)?

Một trụ cột của kinh tế học Phật giáo là sự tiết độ. Lấy cảm hứng từ con đường Trung đạo của Đức Phật, kinh tế học Phật giáo cho rằng “con đường trung dung như một nguyên tắc bao trùm” là chìa khóa.² Thay vì theo đuổi sự dư thừa vật chất, cá nhân và xã hội nên thỏa mãn nhu cầu một cách hợp lý mà không tạo ra những ham muốn mới. Nhà kinh tế E.F. Schumacher, trong tiểu luận nổi tiếng năm 1966 “Buddhist Economics”, lập luận rằng tăng trưởng quá mức và tiêu dùng thái quá gây cạn kiệt môi trường và làm giảm hạnh phúc. Do đó, kinh tế học Phật giáo “khuyến khích không nên nhân lên mà nên giản lược các ham muốn của con người”.³ Bằng cách kiềm chế dục vọng vô hạn và thay vào đó nuôi dưỡng sự mãn nguyện, chính sách có thể giảm khai thác tài nguyên quá mức và hạn chế bất bình đẳng.

Một khái niệm trung tâm khác là Sinh kế chân chính (Chánh mạng - *Sammā-ājīva*), một yếu tố trong Bát Chánh Đạo của Đức Phật. Sinh kế chân chính nghĩa là mưu sinh mà không gây hại cho người khác. Trong thực tiễn, điều này ngụ ý định hướng các hoạt động kinh tế tránh xa những ngành nghề bóc lột hoặc phi đạo đức. Theo Holmes¹ giải thích, sinh kế chân chính “tạo nền tảng cho kinh tế học Phật giáo, với mục tiêu là phát triển sự trong sạch về đạo đức, thoát khỏi thiếu thốn, sống đơn giản và không gây hại”. Hệ quả thực tiễn là một số ngành nghề (ví dụ: sản xuất vũ khí, công nghiệp gây ô nhiễm nặng, hay buôn người) sẽ bị hạn chế hoặc cấm trong một nền kinh tế được định hướng bởi Phật giáo. Các nhà hoạch định chính sách theo quan điểm này có thể, chẳng hạn, điều chỉnh ngành nghề theo tiêu chí đạo đức và ưu tiên những việc làm góp phần vào sự hưng thịnh của con người.

1 David Dale Holmes, “Buddhism and economics”, *Buddhistdoor Global*, 2020, <https://www.buddhistdoor.net/features/buddhism-and-economics/>, truy cập ngày 19/08/2025.

2 Ernst Friedrich Schumacher, *Small is beautiful: Economics as if people mattered*, Harper & Row Publishing, 1973.

3 Karam Tej Singh Sarao, *Buddhist approach to responsible consumption and sustainable development*, [Conference paper], 2019.

Lòng từ bi và tinh thần bất hại (*ahimsa*) cũng là những giá trị Phật giáo có liên quan mật thiết đến kinh tế. Phật giáo dạy rằng tham lam và ích kỷ dẫn đến khổ đau cho bản thân và người khác. Ngược lại, một nền kinh tế từ bi hướng đến việc giảm bớt đau khổ – cho con người, động vật và môi trường. Học giả Neville Karunatilake nhận định rằng kinh tế học Phật giáo hình dung một xã hội hợp tác, hài hòa, nơi mà “tính ích kỷ và ham muốn chiếm hữu phải được loại bỏ” thông qua sự phát triển của con người. Trong bối cảnh chính sách, điều này có thể được thể hiện bằng việc nhấn mạnh hơn đến hỗ trợ xã hội, bảo vệ môi trường và đối xử công bằng với người lao động – nhằm hướng tới “thịnh vượng chung” và “giảm thiểu khổ đau cho người lao động, khách hàng và xã hội”.⁴ Tóm lại, kinh tế học Phật giáo khuyến khích các chính sách thúc đẩy sự kết nối, giảm bớt dục vọng thái quá và đặt lòng từ bi làm trung tâm. Những nguyên tắc này đối lập với các chính sách chỉ chú trọng tăng trưởng, thay vào đó gợi ý rằng phát triển vật chất phải được cân bằng với hạnh phúc đạo đức và tinh thần.

2. Kinh tế học Phật giáo và phát triển bền vững

Phát triển bền vững – đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai – có sự cộng hưởng sâu sắc với tư tưởng Phật giáo. Bằng cách nhấn mạnh tính vô thường và tương duyên, Phật giáo tự nhiên kêu gọi việc chăm sóc môi trường và tiết chế trong tiêu dùng. Đức Phật dạy rằng mọi hành động đều có hệ quả, và việc khai thác thiên nhiên quá mức cuối cùng sẽ dẫn đến khổ đau cho tất cả chúng sinh. Do đó, các cộng đồng Phật giáo thường đi đầu trong việc bảo vệ môi trường.

Về mặt lý thuyết, kinh tế học Phật giáo định nghĩa phát triển bền vững như sự cân bằng giữa tiến bộ vật chất và tiến bộ tinh thần. Một học giả Phật giáo Việt Nam giải thích rằng “phát triển kinh tế bền vững là sự phát triển mà trong đó cả khía cạnh vật chất và khía cạnh tinh thần đều phải được coi trọng như nhau”.⁵ Trên thực tế, điều này có nghĩa là tăng trưởng kinh tế không được diễn ra bằng cái giá của văn hóa, sinh thái hay sức khỏe cộng đồng. Nó cũng hàm ý việc coi trọng chất lượng cuộc sống (chẳng hạn như sự hài hòa cộng đồng và sức sống sinh thái) hơn là những gia tăng đơn thuần về thu nhập hoặc sản lượng.

Trên bình diện toàn cầu, quan điểm này đã truyền cảm hứng cho nhiều khuôn khổ chính sách đổi mới. Một ví dụ nổi tiếng là Chỉ số hạnh phúc quốc gia (*Gross national happiness*, GNH) của Bhutan. Như một phân tích cho thấy, khuôn khổ GNH – được đưa ra từ năm 1972 – được thiết kế nhằm đối trọng với các tác động tiêu cực của tăng trưởng thiếu kiểm soát đối với xã hội và môi trường.⁶ Bộ chỉ số GNH được xây dựng trên 9 lĩnh vực và hàng chục chỉ báo cụ thể (sức khỏe, giáo dục, sinh thái, sức sống cộng đồng, quản trị...), sử dụng dữ liệu điều tra đại diện toàn quốc và được gắn trực tiếp với công cụ “sàng lọc GNH” khi phê duyệt chính sách

4 David Dale Holmes, *tlđđ*.

5 Nguyen Ngoc Duy Khanh, *Buddhist approach to economic sustainable development*, UNDV 2019 Vietnam Subtheme Proceedings, 2019

6 Maria Carrasco Rey, “Bhutan’s Gross National Happiness framework implements a holistic approach to progress and well-being”, *Pathfinders*, 2023, <https://www.sdg16.plus/policies/bhutans-gross-national-happiness-framework-implements-a-holistic-approach-to-progress-and-well-being/>, truy cập ngày truy cập ngày 12/05/2025.

mới.⁷ Theo đó bộ chỉ số này đánh giá sự tiến bộ bằng nhiều chỉ số (sinh thái, văn hóa, sức khỏe tinh thần...) thay vì chỉ dựa vào tổng sản phẩm quốc nội (*gross domestic product*, GDP). Chỉ số GNH dựa trên “các giá trị văn hóa Bhutan và niềm tin Phật giáo về ý nghĩa của hạnh phúc và phúc lợi”. Mọi chính sách của chính phủ Bhutan đều phải được sàng lọc về tác động đối với các chỉ số toàn diện này. Carrasco² nhận xét, Bhutan quy định rằng tất cả các chính sách công đều phải được đánh giá bằng công cụ “sàng lọc GNH” để xác định ảnh hưởng của chúng đối với hạnh phúc của công dân. Nói ngắn gọn, mô hình quản trị của Bhutan đã tích hợp rõ rệt các thước đo lấy cảm hứng từ Phật giáo: tính bền vững, công bằng, sức sống cộng đồng và cả yếu tố tinh thần.

Một ví dụ khác là Triết lý kinh tế đủ dùng (*Sufficiency economy philosophy*, SEP) của Thái Lan, được Vua Bhumibol Adulyadej khởi xướng. Học thuyết chính sách này (đặc biệt được nhấn mạnh sau khủng hoảng tài chính 1997) được xây dựng rõ ràng dựa trên triết lý Trung đạo của Phật giáo. Nó nhấn mạnh ba thành tố - sự tiết độ, tính hợp lý và sự thận trọng - với “con đường trung đạo” định hướng cho các quyết định từ cấp hộ gia đình đến chính phủ. Báo cáo của Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (*United Nations Development Programme*, UNDP) chỉ ra Thái Lan giảm mạnh tỷ lệ nghèo (từ khoảng 38% năm 1990 xuống 11% năm 2004) đồng thời cải thiện chỉ số phát triển con người, được gắn với định hướng “tự cường, tiết độ” của SEP.⁸ Oxford Business Group mô tả rằng cách tiếp cận này của Thái Lan tương phản với các mô hình tối đa hóa lợi nhuận ngắn hạn: nó định nghĩa thành công bằng khả năng tự cường và khả năng chống chịu dài hạn, chứ không phải tăng trưởng GDP nhanh chóng.⁹ Đặc biệt, triết lý này kêu gọi các doanh nghiệp và quan chức cân nhắc tác động đến tất cả các bên liên quan: người lao động, cộng đồng và môi trường, bên cạnh cổ đông. Trong thực tiễn, các chính sách của Thái Lan chịu ảnh hưởng của triết lý này bao gồm các chương trình tự cung tự cấp ở nông thôn, bảo tồn sinh thái và chuẩn bị ứng phó thiên tai, phản ánh giá trị Phật giáo về sự cân bằng và quan tâm đến cộng đồng. Nhiều phân tích học thuật xem triết lý kinh tế đủ dùng như một đóng góp cho lý thuyết phát triển, nhấn mạnh ba nguyên tắc “tiết độ – hợp lý – tự cường” trong quản trị rủi ro và phát triển bền vững.¹⁰

Gần hơn với Việt Nam, các cộng đồng Phật giáo đang tích cực đóng góp vào phát triển bền vững. Hiện nay, tại Việt Nam, nhiều ngôi chùa và tổ chức Phật giáo thúc đẩy bảo vệ môi trường. Ví dụ, các bài giảng tại chùa thường khuyến khích phân loại rác, giảm nhựa, trồng cây và xây dựng các cộng đồng “xanh – sạch”.¹¹ Nhiều

7 Karma Ura, Sabina Alkire, Tshoki Zangmo and Karma Wangdi, *An extensive analysis of GNH Index*, The Centre for Bhutan Studies Publishing, 2012; OECD, *Bhutan's Gross National Happiness (GNH) Index*. Paris: OECD Publishing, 2024.

8 United Nations Development Programme, *Thailand Human Development Report 2007: Sufficiency Economy and Human Development*. Bangkok: UNDP, 2007.

9 Oxford Business Group., *Thailand applies sufficiency economy philosophy to promote sustainable development*, In Asia Business Review: Thailand 2016 Report, 2016.

10 Prasopchoke Mongswad, “The philosophy of sufficiency economy: A contribution to the theory of development”, *Asia-Pacific Development Journal*, United Nations Economic and Social Commission for Asia and the Pacific (ESCAP), Vol. 17(1), 2010, tr. 123-143.

11 Nguyen Van Thanh, Nguyen Thuy Thom, “The roles of Buddhism in environmental protection in Vietnam these days”, *ISRG Journal of Arts, Humanities and Social Sciences*, Vol. 6(4), 2024, DOI: <https://doi.org/10.5281/zenodo.13901714>

khảo sát gần đây cho thấy phần lớn Phật tử Việt Nam từng được truyền giảng về trách nhiệm bảo vệ môi trường tại chùa. Trên thực tế, nhiều chùa còn tổ chức chương trình tái chế (bán phế liệu để làm từ thiện), và Phật tử được khuyến khích thực hành “sống xanh, sống tốt, tu tập tôn giáo” thông qua việc chăm sóc thiên nhiên. Một số nghiên cứu về tôn giáo và phát triển bền vững tại Việt Nam cho thấy các cộng đồng tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo, ngày càng đóng vai trò tích cực trong các hoạt động trồng cây, giảm rác thải nhựa, hỗ trợ cộng đồng dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu.¹² Tóm lại, trong các xã hội Phật giáo, đạo đức phát triển bền vững định hình cả hành vi ở cấp cơ sở và chính sách ở cấp cao hơn. Chủ đề chung rất rõ: phát triển bền vững không chỉ được hiểu là tăng trưởng kinh tế, mà là sự hài hòa giữa nhu cầu con người và sức khỏe của hành tinh – một cách hiểu bắt nguồn từ tinh thần tương duyên và lòng từ bi trong Phật giáo.

3. Kinh tế học Phật giáo và phúc lợi xã hội

Tư tưởng Phật giáo đặt trọng tâm lớn vào việc giảm khổ đau và chăm sóc những người thiếu thốn, điều này có thể được chuyển hóa thành các mục tiêu phúc lợi xã hội mạnh mẽ. Đức hạnh bố thí (*dāna*) và lý tưởng về một xã hội từ bi gợi ý rằng chính sách công nên bảo đảm các nhu cầu cơ bản được đáp ứng và giảm bất bình đẳng. Mục tiêu không chỉ là nâng cao mức giàu có trung bình, mà còn chia sẻ phúc lợi một cách rộng rãi và bảo vệ những người dễ bị tổn thương.

Công trình gần đây của Brown minh họa rõ định hướng này. Bà lập luận rằng một nền kinh tế lấy cảm hứng từ Phật giáo phải bao gồm “các chương trình và dịch vụ xã hội” nhằm đáp ứng các nhu cầu cơ bản, để tạo ra “một nền kinh tế công bằng, bền vững với mức phúc lợi cao hơn cho người dân”.¹³ Trong khuôn khổ của Brown, các chính sách được đánh giá dựa trên mức độ chúng tạo ra sự hỗ trợ xã hội: trên thực tế, bà đã phát triển Chỉ số Chính sách thịnh vượng chia sẻ bền vững (*Sustainable shared-prosperity policy index*), xếp hạng các quốc gia theo các chính sách hỗ trợ môi trường, cấu trúc thị trường công bằng và cấp vốn cho các chương trình phúc lợi.

Về mặt triết học, Phật giáo dạy rằng sự bám chấp vào lợi ích vật chất là nguyên nhân gây ra khổ đau. Nếu chính sách kinh tế ưu tiên hạnh phúc thay vì của cải, thì tất yếu sẽ bao gồm các mạng lưới an sinh xã hội. Đạo đức Phật giáo không lên án sự giàu có tự thân, nhưng nhấn mạnh rằng của cải phải được sử dụng khôn ngoan và không làm tổn hại đến nhân phẩm. Một số diễn giả hiện đại thậm chí kêu gọi các chính sách như chăm sóc sức khỏe toàn dân, giáo dục phổ cập và xóa đói giảm nghèo như là biểu hiện của lòng từ bi. Ví dụ, một bình luận về Campuchia lưu ý rằng Phật giáo coi “phúc lợi đích thực” là bao gồm cả liêm chính đạo đức, sự trưởng thành tinh thần và hòa hợp cộng đồng, chứ không chỉ đơn thuần là của cải – từ đó ủng hộ các chính sách phát triển xã hội toàn diện.

Tại Việt Nam, mặc dù nhà nước về hình thức là thế tục, nhưng mối quan tâm Phật giáo đối với phúc lợi xã hội lại có sự cộng hưởng về mặt văn hóa. Chính phủ đã

12 Nguyễn Việt Thanh, Đỗ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Ngọc Vô Khoa and Nguyễn Thị Quyết, “Religion and environmental stewardship in Vietnam: Faith-inspired responses to climate change and sustainable development”, *European Journal of Science and Theology*, Vol. 21(2), 2025, tr. 79-94.

13 Clair Brown, “Buddhist economics: The foundation for an equitable, sustainable, caring economy”, *Yin-Cheng Journal of Contemporary Buddhism*, Vol. 1(1), 2023, tr. 199-218, DOI: <https://doi.org/10.15239/yjcb.01.01.07>

triển khai nhiều chương trình an sinh phổ quát (bảo hiểm y tế, giáo dục, các chương trình giảm nghèo) – những biện pháp phù hợp với lý tưởng Phật giáo về việc chăm lo cho mọi công dân. Những tuyên bố trong các kỳ Đại lễ Vesak gần đây, trong đó có Vesak 2025 tại Việt Nam, đều khẳng định vai trò của Phật giáo trong củng cố phúc lợi xã hội và đoàn kết cộng đồng, qua đó phản ánh sự giao thoa giữa giá trị tôn giáo và chính sách phát triển. Nói tóm lại, mặc dù có rất ít đạo luật chính thức ở Việt Nam viện dẫn trực tiếp Phật giáo, nhưng các nguyên tắc về từ bi và bất hại rõ ràng đã củng cố lập luận cho các biện pháp phúc lợi xã hội bao trùm và sự đoàn kết cộng đồng trong diễn ngôn chính sách công.

4. Đạo đức Phật giáo trong kinh doanh và tiêu dùng

Phật giáo cũng có nhiều quan điểm về đạo đức trong hoạt động kinh doanh và mô hình tiêu dùng. Như đã đề cập, Sinh kế chân chính là một giáo lý then chốt: con người nên kiếm sống theo những cách không gây hại cho người khác. Điều này được mở rộng sang cả chính sách doanh nghiệp và chính phủ. Chẳng hạn, những thực hành doanh nghiệp liên quan đến bóc lột, tham nhũng hay gây ô nhiễm nghiêm trọng được coi là đi ngược với lý tưởng Phật giáo. Ngược lại, những quyết định kinh doanh được định hướng bởi sự trung thực, công bằng và quan tâm đến người khác sẽ phù hợp với tinh thần Phật giáo.

Nhà kinh tế E.F. Schumacher từng nhận xét rằng trong kinh tế học Phật giáo, lao động không nên chỉ được coi là một “ác cần thiết” mà cần được nhìn nhận như một cơ hội để phát triển con người. Ông nhấn mạnh rằng công việc có thể giúp mỗi cá nhân vượt qua tính ích kỷ bằng cách hợp tác trong những nhiệm vụ chung.¹⁴ Trên thực tế, đạo đức kinh doanh lấy cảm hứng từ Phật giáo thường thể hiện dưới dạng trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (*Corporate Social Responsibility, CSR*), thương mại công bằng và quản trị môi trường. Một số doanh nghiệp ở châu Á đã chủ động áp dụng các giá trị Phật giáo. Ví dụ, tại Việt Nam, một trường hợp đáng chú ý là Tổng công ty Vận tải biển Thiên Nhân, nơi các nhà quản lý từng viện dẫn đạo đức Phật giáo trong quá trình cải cách (dù còn có ý kiến tranh luận). Nói rộng hơn, các học giả Việt Nam cho rằng Phật giáo đã “góp phần hiệu quả vào việc hình thành và củng cố chuẩn mực đạo đức” trong thương mại và kinh doanh.¹⁵ Một nghiên cứu kết luận rằng “những đóng góp tích cực của Phật giáo đối với đời sống xã hội” bao gồm cả việc định hình đạo đức kinh doanh tại Việt Nam.¹⁶ Thật vậy, văn hóa kinh doanh Việt Nam thường nhấn mạnh sự tôn trọng, hòa hợp xã hội và mối quan hệ lâu dài – những giá trị phù hợp với đạo đức Phật giáo.

Ý thức bảo vệ môi trường cũng là một phần của đạo đức kinh doanh trong tư tưởng Phật giáo. Tiêu dùng chánh niệm – mua sắm với sự tỉnh thức về nhu cầu và tác động – thường xuyên được các vị thầy Phật giáo khuyến khích. Hội nghị Vesak Liên Hợp Quốc năm 2015 (tổ chức tại Thái Lan) đã nhấn mạnh trực tiếp mối liên hệ giữa tiêu dùng chánh niệm và phát triển bền vững. Dù hội nghị không phải là nguồn học thuật chính thống, nguyên tắc này lại phổ biến: ví dụ, Phật tử có thể ưa chuộng

14 David Dale Holmes, *tlđđ*.

15 Nguyen Thi Thu Huong, *The current role of Buddhism in building business ethics in Vietnam*, Universum: общественные науки (Universum: social sciences), Vol. 94(3), 2023, DOI: <https://doi.org/10.32743/UniSoc.2023.94.3.15106>

16 Nguyen Ngoc Duy Khanh, *tlđđ*, 2019

những sản phẩm không liên quan đến ngược đãi động vật hay bóc lột lao động, thể hiện tinh thần giữ giới “không làm hại”. Các nhà hoạch định chính sách chịu ảnh hưởng từ kinh tế học Phật giáo có thể do đó ủng hộ các nhân sinh thái, chứng nhận kinh doanh có đạo đức hoặc đánh thuế hàng xa xỉ để khuyến khích tiết độ.

Trong bối cảnh Việt Nam, đạo đức kinh doanh Phật giáo đang được thảo luận ở cấp học thuật. Một nghiên cứu gần đây tại Việt Nam chỉ ra rằng trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, tôn giáo đã trở thành “nguồn hỗ trợ” cho nhiều người, và các giá trị nhân văn của Phật giáo đã củng cố các chuẩn mực đạo đức tại Việt Nam.¹⁷ Hiện nay, đạo đức kinh doanh ở Việt Nam được định hình vừa bởi quy định pháp luật, vừa bởi các tiêu chuẩn đạo đức, trong đó Phật giáo được xem là yếu tố ảnh hưởng quan trọng. Ví dụ, các doanh nghiệp do Phật tử sở hữu hoặc điều hành thường nhấn mạnh hoạt động từ thiện và phúc lợi cho người lao động. Dù khó lượng hóa, nhưng sự hiện diện của diễn ngôn đạo đức Phật giáo đã góp phần hình thành kỳ vọng xã hội về tính trung thực và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh tại Việt Nam.

5. Quản trị và chính sách công theo tinh thần Phật giáo

Quản trị chịu ảnh hưởng của các nguyên tắc Phật giáo thường nhấn mạnh lãnh đạo đạo đức, quản lý tài nguyên hợp lý và sự quan tâm tới phúc lợi cộng đồng. Lý tưởng xưa về một vị vua Phật giáo (*chakravartin*) là vị quân vương trị vì vì lợi ích của tất cả chúng sinh, được dẫn dắt bởi *dharma* (chính pháp). Trong ngôn ngữ hiện đại, điều này được chuyển hóa thành hình ảnh một nhà nước được định hướng bởi lòng từ bi và sự liêm chính đạo đức.

Một xu hướng toàn cầu minh họa điều này là việc tích hợp các giá trị Phật giáo vào mục tiêu phát triển quốc gia. Chúng ta đã thấy các ví dụ như Bhutan với Chỉ số hạnh phúc quốc gia và Thái Lan với Kinh tế đủ dùng. Nhiều trường hợp khác cũng tồn tại: chẳng hạn, vị vua quá cố của Nepal từng kêu gọi mô hình “phát triển gắn liền với phẩm giá” lấy cảm hứng từ Phật giáo, và nhiều quốc gia đa số Phật tử đã đưa thiền định vào trường học để nuôi dưỡng công dân có chánh niệm. Ở cấp quốc tế, Liên hợp quốc đã tổ chức nhiều kỳ ngày Vesak tại Việt Nam và các nơi khác, thường tập trung vào những chủ đề như hòa bình, nhân quyền và phát triển bền vững.

Tại Việt Nam, Nhà nước đã tạo dựng những khuôn khổ pháp lý tôn trọng thực hành tôn giáo và thậm chí lôi cuốn các tổ chức tôn giáo tham gia các chương trình xã hội. Về mặt pháp lý, Hiến pháp năm 2013 (Điều 24) khẳng định Nhà nước tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi công dân. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 tiếp tục thể chế hóa nguyên tắc này, quy định chi tiết quyền, nghĩa vụ của các tổ chức tôn giáo và vai trò của chúng trong hoạt động xã hội, từ thiện. Chính sách kiên định của chính phủ, như đã công khai nhiều lần, là bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng của công dân và hợp tác với tôn giáo trong việc phục vụ phát triển quốc gia. Ví dụ, các ngôi chùa tại Việt Nam có thể vận hành trường học, cơ sở từ thiện và phòng khám mở cửa cho tất cả mọi người, bổ sung cho dịch vụ nhà nước. Việc Việt Nam nhiều lần đăng cai ngày Vesak Liên hợp quốc (Hạ Long 2008; Hà

17 Nguyen Thi Thu Huong, “The current role of Buddhism in building business ethics in Vietnam”, *Universum: общественные науки (Universum: Social sciences)*, Vol. 94(3), 2023, DOI: <https://doi.org/10.32743/UniSoc.2023.94.3.15106>

Nội 2014; Huế 2019; TP. Hồ Chí Minh 2025) phản ánh sự công nhận chính thức rằng quan điểm Phật giáo có thể định hình “đối thoại về các vấn đề toàn cầu, phòng ngừa xung đột, thúc đẩy công bằng xã hội và phát triển bền vững”.¹⁸ Kết thúc Vesak 2025, ban tổ chức nhấn mạnh vai trò của Việt Nam như một “trung tâm quan trọng của Phật giáo dẫn thân” và khẳng định rằng các giá trị nhân văn của Phật giáo hỗ trợ đạo đức và công bằng xã hội trong quản trị.¹⁹ Cụ thể, quản trị lấy cảm hứng từ Phật giáo có thể được thể hiện trong các quyết định chính sách như sau:

- Đánh giá chính sách toàn diện: Áp dụng các công cụ như “sàng lọc GNH” của Bhutan để kiểm tra liệu luật mới hay dự án có thúc đẩy phúc lợi dài hạn và không gây hại đến văn hóa hay thiên nhiên. Các cơ quan tổ chức như Bộ Kế hoạch & đầu tư, Ủy ban Kinh tế Quốc hội có thể xây dựng lộ trình triển khai gồm (i) Xây dựng bộ chỉ số hạnh phúc quốc gia phù hợp bối cảnh Việt Nam (từ 5 – 7 nhóm tiêu chí); (ii) Áp dụng thử cho 1 – 2 chương trình quốc gia (ví dụ: Chương trình mục tiêu phát triển bền vững, nông thôn mới); (iii) Điều chỉnh định kỳ dựa trên phản hồi.

- Chống tham nhũng và đề cao liêm chính: Vì tham lam và vô minh được xem là nguồn gốc của khổ đau, đạo đức Phật giáo đòi hỏi sự trung thực từ các nhà lãnh đạo. Dù Việt Nam vẫn đối diện với tham nhũng như nhiều quốc gia khác, nhưng diễn ngôn tại Vesak 2025 đã gắn kết trực tiếp các giá trị như từ bi và thiện chí với chính sách của Đảng. Điều này thể hiện kỳ vọng rằng quan chức cần hành động vô tư, vị tha. Bộ Nội vụ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Giáo hội Phật Giáo Việt Nam có thể là các tổ chức tiên phong trong việc thúc đẩy lòng ghép chánh niệm và đạo đức công vụ trong đào tạo cán bộ với các hoạt động như: (i) Thiết kế module “Lãnh đạo có chánh niệm” trong chương trình đào tạo công chức; (ii) Tổ chức lớp bồi dưỡng thí điểm tại các tỉnh/địa phương; (iii) Đánh giá mức cải thiện đạo đức và thái độ phục vụ công dân.

- Trao quyền cho cộng đồng địa phương: Quản trị theo tinh thần Phật giáo thường tôn trọng giải pháp của cộng đồng và hoạt động từ thiện cơ sở (khái niệm “Phật giáo dẫn thân”). Ở Việt Nam, các hội Phật giáo địa phương thường hợp tác với tổ dân phố để vận hành trường học hoặc hỗ trợ cứu trợ, bổ sung chức năng nhà nước. Chính sách nhà nước có thể thúc đẩy điều này bằng cách tạo hành lang pháp lý cho hoạt động xã hội dựa vào tôn giáo.

- Định hướng phát triển vượt khỏi mục tiêu vật chất: Các lãnh đạo Việt Nam từng khẳng định rằng thành công của Đại lễ Vesak được xem như minh chứng cho sự tiến bộ cả trong “đời sống vật chất lẫn tinh thần của người dân”. Điều này hàm ý rằng giáo dục, văn hóa và đạo đức là những mục tiêu chính đáng của chính sách công.

Tổng thể, các nguyên tắc Phật giáo gợi ý rằng quản trị tốt là quản trị phục vụ phúc lợi toàn diện của con người. Một quan chức Việt Nam đã phát biểu rõ ràng: Phật giáo (và tôn giáo nói chung) đóng góp vào “phát triển kinh tế – xã hội, phúc lợi xã hội và các hoạt động nhân đạo”.²⁰ Nói cách khác, chính sách không chỉ nên tập

18 VNA, “20th UN Day of Vesak celebrations wraps up with landmark declaration”, *VietnamPlus*, 8 May 2025, [https://en.vietnamplus.vn/20th-un-day-of-vesak-celebrations-wraps-up-with-landmark-declaration-post318863.vnp#:~:text=HCM%20City%20\(VNA\)%20%E2%80%93%20The,response%20to%20pressing%20global%20challenges.,truy+cập+ngày+19/8/2025](https://en.vietnamplus.vn/20th-un-day-of-vesak-celebrations-wraps-up-with-landmark-declaration-post318863.vnp#:~:text=HCM%20City%20(VNA)%20%E2%80%93%20The,response%20to%20pressing%20global%20challenges.,truy+cập+ngày+19/8/2025).

19 *Như trên*.

20 Phát biểu của Phó Thủ tướng Nguyễn Hòa Bình về vai trò của tôn giáo đối với phát triển kinh tế-xã hội. Xem: *Như trên*.

trung vào xây dựng đường xá, nhà máy mà còn cần nuôi dưỡng sự hòa hợp, lòng từ bi và tính bao trùm xã hội – những khát vọng mà cả Phật tử và các nhà hoạch định chính sách đều chia sẻ.

Tuy nhiên, việc lồng ghép giá trị tôn giáo vào chính sách công cũng đặt ra một số giới hạn. Thứ nhất, trong bối cảnh nhà nước thế tục, chính sách phải bảo đảm tính trung lập tôn giáo và không thiên vị bất kỳ hệ niềm tin nào. Thứ hai, các nguyên tắc đạo đức Phật giáo, như từ bi hay tiết độ, tuy giàu ý nghĩa nhân văn, nhưng khó lượng hóa để áp dụng trực tiếp trong quá trình hoạch định và đánh giá chính sách. Thứ ba, nếu không có cơ chế giám sát minh bạch, việc viện dẫn giá trị tôn giáo có thể bị lợi dụng cho mục tiêu chính trị hoặc tuyên truyền. Do đó, cách tiếp cận phù hợp là xem kinh tế học Phật giáo như nguồn cảm hứng đạo đức và văn hóa, chứ không phải hệ chuẩn bắt buộc trong quản trị nhà nước.

6. Phật giáo tại Việt Nam: Bối cảnh văn hóa và chính sách

Ở Việt Nam, Phật giáo từ lâu đã là một ảnh hưởng văn hóa chủ đạo. Ngày nay, một bộ phận người dân Việt Nam nhận mình là Phật tử, và các biểu tượng cùng giáo lý Phật giáo thấm đẫm vào đời sống hàng ngày. Điều này khiến Việt Nam trở thành một ví dụ minh họa rõ nét về cách tư tưởng kinh tế học Phật giáo có thể được áp dụng ngay cả trong một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện đại. Chính phủ Việt Nam chính thức công nhận sáu hệ phái Phật giáo và đã tích hợp các tổ chức tôn giáo vào hệ thống chính sách xã hội.²¹

Kinh nghiệm của Việt Nam cho thấy một số cách thức cụ thể mà tư duy Phật giáo giao thoa với các lĩnh vực chính sách:

- Bảo vệ môi trường:

Như đã nêu ở trên, nhiều ngôi chùa Phật giáo thường đi đầu trong các dự án môi trường cộng đồng. Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã công khai coi việc bảo vệ môi trường là một bổn phận tôn giáo, và đôi khi các cơ quan nhà nước còn hợp tác với chùa trong các chương trình trồng cây và quản lý rác thải. Điều này cho thấy đạo đức Phật giáo về “bảo vệ sự sống” phù hợp với cam kết tăng trưởng xanh của Việt Nam.

- Cứu trợ thiên tai và công tác xã hội:

Các tổ chức Phật giáo ở Việt Nam nổi tiếng với việc huy động từ thiện trong các trận lũ lụt, đại dịch và những khủng hoảng khác.²² Các vị tăng ni thường điều phối quỹ cứu trợ và phòng khám y tế.²³ Truyền thông Việt Nam thường nhấn mạnh việc các ngôi chùa cung cấp bữa ăn miễn phí hoặc dịch vụ y tế ở những khu vực nghèo.²⁴ Những hoạt động này phản ánh giá trị từ bi (*karuṇā*) trong kinh tế học Phật giáo và đóng vai trò bổ sung cho an sinh nhà nước.

21 Điều chỉnh nội dung đoạn highlight thành: Chính phủ Việt Nam chính thức công nhận Phật giáo thông qua Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tổ chức đại diện hợp nhất các truyền thống và hệ phái Phật giáo trong cả nước, và tạo điều kiện để các tổ chức tôn giáo tham gia vào các hoạt động xã hội, từ thiện và phát triển cộng đồng. Nguồn: Công văn 6955 /BNV-TGCP ngày 28/12/2020 của Bộ Nội vụ.

22 Thảo Tâm, “Trung ương GHPGVN ủng hộ 200 triệu đồng hỗ trợ bà con vùng bão lũ”, *Giác ngộ Online*, 2025, <https://giacngo.vn/trung-uong-ghpgvn-ung-ho-200-trieu-dong-ho-tro-ba-con-vung-bao-lu-post77869.html>, truy cập ngày 21/11/2025.

23 Ngọc Linh, “Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai trên 7.000 tỷ đồng từ thiện xã hội trong nhiệm kỳ VIII”, *Ban tôn giáo chính phủ*, 2022, <https://btgcp.gov.vn/tin-trong-nuoc/giao-hoi-phat-giao-viet-nam-trien-khai-tren-7000-ty-dong-tu-thien-xa-hoi-trong-nhiem-ky-viii-post0Babkr8qyG.html>, truy cập ngày 19/08/2025.

24 Diệu Nghiêm, “Giáo hội kêu gọi cứu trợ đồng bào bị thiệt hại do lũ lụt ở miền Trung và Tây Nguyên”, *Giác Ngộ online*, 2025, <https://giacngo.vn/giao-hoi-keu-goi-cuu-tro-dong-bao-bi-thiet-hai-do-lu-lut-o-mien-trung-va-tay-nguyen-post77913.html>, truy cập ngày 24/11/2025.

- Thúc đẩy tiết độ:

Tư tưởng về sự tỉnh thức và tiết kiệm được duy trì mạnh mẽ trong văn hóa Việt Nam. Trong truyền thống Phật giáo, các giá trị như “thiểu dục tri túc” (sống biết đủ, ít ham muốn) và khuyến khích lối sống giản dị luôn gắn liền với tinh thần tiết kiệm, tránh phô trương và hạn chế lãng phí. Nhiều cơ sở Phật giáo, đặc biệt trong các dịp lễ lớn, thường nhấn mạnh thông điệp này trong hoạt động giảng dạy và hướng dẫn Phật tử. Ở tầm quản lý nhà nước, các bộ, ngành cũng triển khai những chương trình vận động tiết kiệm và chống lãng phí trong đời sống xã hội và trong khu vực công. Dù không trực tiếp xuất phát từ các giáo lý tôn giáo, các thông điệp này có sự tương đồng đáng kể với những giá trị đạo đức truyền thống của Phật giáo, phản ánh sự giao thoa giữa định hướng văn hóa và chính sách xã hội đương đại ở Việt Nam.²⁵

- Giáo dục và văn hóa:

Các giá trị Phật giáo ảnh hưởng đến chính sách giáo dục và văn hóa của Việt Nam. Đại lễ Vesak Liên hợp quốc lần thứ 20 tại Thành phố Hồ Chí Minh (2025) có nhiều phiên thảo luận về việc tích hợp chánh niệm Phật giáo vào quản trị. Rộng hơn, chương trình giáo dục Việt Nam có lồng ghép các nội dung về đạo đức và trách nhiệm xã hội, trên thực tế được xây dựng từ những khái niệm Phật giáo (và các triết lý khác) về hành vi đúng đắn.

Mặc dù pháp luật Việt Nam không viện dẫn trực tiếp Phật giáo khi hình thành chính sách kinh tế, nhưng có thể nhận thấy các lý tưởng Phật giáo có ảnh hưởng trong việc nhấn mạnh tới sự hài hòa và phúc lợi tập thể. Nhà nước Việt Nam nhiều lần nhấn mạnh vai trò của tôn giáo như một nguồn lực xã hội tích cực, kêu gọi các tổ chức tôn giáo đồng hành với dân tộc, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, an sinh và hoạt động nhân đạo. Tóm lại, trường hợp Việt Nam minh chứng rằng ngay trong một nhà nước hiện đại, các nguyên tắc kinh tế học Phật giáo vẫn có thể định hướng tinh thần cho việc hoạch định chính sách, đưa chính sách tiến gần hơn tới tính bền vững, công bằng và đạo đức.

Kết luận

Kinh tế học Phật giáo không phải là một bản chỉ dẫn cứng nhắc, mà là một lăng kính để suy ngẫm lại các ưu tiên chính sách. Thông điệp cốt lõi của nó là tái định hình giá trị: coi trọng con người và hành tinh hơn lợi nhuận đơn thuần, nuôi dưỡng lòng từ bi và sự mãn nguyện thay vì tham lam, và nhìn nền kinh tế như một bộ phận của một hệ thống đạo đức - sinh thái rộng lớn hơn. Clair Brown đã chỉ ra, để đạt được sự thịnh vượng chung và một môi trường lành mạnh, cần một khuôn khổ kinh tế khác với các mô hình truyền thống - một khuôn khổ mà bà gọi là cách tiếp cận chính sách lấy cảm hứng từ Phật giáo. Trên thực tế, cách tiếp cận này khuyến khích các nhà hoạch định chính sách lồng ghép đạo đức và phúc lợi vào mọi lĩnh vực. Nó gợi ý những biện pháp cụ thể như: đánh giá tính bền vững cho tất cả các dự án, xây dựng mạng lưới an sinh xã hội mạnh mẽ, giám sát đạo đức trong kinh doanh, và quản trị bao trùm, lắng nghe tất cả các bên liên quan. Các ví dụ thực tế - từ Chỉ số hạnh phúc quốc gia của Bhutan, Kinh tế đủ dùng của Thái Lan, đến các dự án “xanh

25 Hà Phương, “Mùa Vu Lan 2025: Phật giáo kêu gọi sống giản dị, hạn chế phô trương”, *VOV.VN*, 2025, <https://vov.vn/van-hoa/mua-vu-lan-2025-phat-giao-keu-goi-song-gian-di-han-che-pho-truong-post1224074.vov>, truy cập ngày 10/10/2025.

hóa” của chùa chiền tại Việt Nam và các tuyên bố Vesak – cho thấy chính sách lấy cảm hứng từ Phật giáo có thể xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt là mối quan tâm toàn diện tới sự thịnh vượng của con người và môi trường.

Đối với các học giả và nhà nghiên cứu toàn cầu đang tìm kiếm những mô hình kinh tế thay thế, kinh tế học Phật giáo mang lại những góc nhìn mới mẻ. Nó đặt ra câu hỏi nền tảng về ý nghĩa của tăng trưởng và cách đo lường tiến bộ. Nó thách thức giả định về tiêu dùng vô hạn và đề xuất một xã hội nơi “văn hóa quan tâm” được khắc sâu vào trong thể chế. Ngay cả trong một bối cảnh chính sách thế tục, các nguyên tắc Phật giáo như từ bi, tiết độ và tính tương duyên vẫn có thể truyền cảm hứng cho các giải pháp sáng tạo cho các vấn đề hiện đại – từ biến đổi khí hậu đến bất bình đẳng. Kinh nghiệm của Việt Nam minh chứng rằng các giá trị Phật giáo có thể định hướng những chính sách thực tiễn trong các lĩnh vực như bảo vệ môi trường và phúc lợi xã hội, ngay cả khi chúng không được luật hóa một cách chính thức. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Clair Brown, “Buddhist economics: The foundation for an equitable, sustainable, caring economy”, *Yin-Cheng Journal of Contemporary Buddhism*, Vol. 1(1), 2023, tr. 199–218, DOI: <https://doi.org/10.15239/ycjb.01.01.07>
- [2] David Dale Holmes, “Buddhism and economics”, *Buddhistdoor Global*, 2020
- [3] Nguyen Thi Thu Huong, “The current role of Buddhism in building business ethics in Vietnam”, *Universum: общественные науки (Universum: social sciences)*, Vol. 94(3), 2023, DOI: <https://doi.org/10.32743/UniSoc.2023.94.3.15106>
- [4] Prasopchoke Mongswad, “The philosophy of sufficiency economy: A contribution to the theory of development”, *Asia-Pacific Development Journal*, United Nations Economic and Social Commission for Asia and the Pacific (ESCAP), Vol. 17(1), 2010
- [5] OECD, *Bhutan's Gross National Happiness (GNH) Index*. Paris: OECD Publishing, 23 August 2024
- [6] Oxford Business Group., *Thailand applies sufficiency economy philosophy to promote sustainable development*, In Asia Business Review: Thailand 2016 Report, 2016
- [7] Maria Carrasco Rey, “Bhutan's Gross National Happiness framework implements a holistic approach to progress and well-being”, *Pathfinders*, 2023
- [8] Karam Tej Singh Sarao, *Buddhist approach to responsible consumption and sustainable development*, [Conference paper], 2019
- [9] Ernst Friedrich Schumacher, *Small is beautiful: Economics as if people mattered*, Harper & Row Publishing, 1973
- [10] Nguyen Van Thanh, Nguyen Thuy Thom, “The roles of Buddhism in environmental protection in Vietnam these days”, *ISRG Journal of Arts, Humanities and Social Sciences*, Vol. 6(4), 2024, DOI: <https://doi.org/10.5281/zenodo.13901714>
- [11] Nguyễn Việt Thanh, Đỗ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Ngọc Vô Khoa and Nguyễn Thị Quyết, “Religion and environmental stewardship in Vietnam: Faith-inspired responses to climate change and sustainable development”, *European Journal of Science and Theology*, Vol.21(2), 2025
- [12] United Nations Development Programme, *Thailand Human Development Report 2007: Sufficiency Economy and Human Development*. Bangkok: UNDP, 2007
- [13] Karma Ura, Sabina Alkire, Tshoki Zangmo and Karma Wangdi, *An extensive analysis of GNH Index*, The Centre for Bhutan Studies Publishing, 2012
- [14] VNA, “20th UN Day of Vesak celebrations wraps up with landmark declaration”, *VietnamPlus*, 8 May 2025